

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 21-03-2022  
V/v “Không công nhận quan  
hệ là vợ chồng.”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT – TỈNH LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Hùng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Nguyễn Văn Tích  
Ông Phạm Quang Vinh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Minh Hòa, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** Không.

Ngày 21 tháng 03 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 634/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 về “Không công nhận quan hệ là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Anh **Nguyễn Ngọc Phương A**, sinh năm 1970

Địa chỉ: Phường Y, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

***- Bị đơn:*** Chị **Nguyễn Thị Tú Anh**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Phường H, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

*(Anh A có mặt tại phiên tòa, chị An có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 11 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc Phương A trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc Phương A và chị Nguyễn Thị Tú An chung sống với nhau vào năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian sống hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hòa hợp. Từ năm 2000 cho đến nay phần ai nấy sống, không liên quan gì đến nhau. Nay làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc không công nhận là vợ chồng giữa anh và bà Nguyễn Thị Tú An.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống như vợ chồng 02 người có 01 con chung là: Nguyễn Ngọc Khánh T, sinh ngày 26/12/1993. Hiện con đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Không có nợ chung.

Ngoài ra anh Nguyễn Ngọc Phương A không trình bày hay yêu cầu gì khác.

*Chị An vắng mặt tại phiên tòa. Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Tú An trình bày:*

Tôi thống nhất với ý kiến của anh A đã trình bày về quan hệ hôn nhân và quá trình chung sống. Chúng tôi chung sống với nhau vào năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn, cuộc sống chung được 07 năm thì chúng tôi không còn yêu thương gì nhau nên phân ai nấy sống. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận là vợ chồng giữa tôi và ông Ân.

- Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung Nguyễn Ngọc Khánh T, sinh ngày 26/12/1993. Hiện con đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Không có nợ chung.

Ngoài ra chị Nguyễn Thị Tú An không trình bày hay yêu cầu gì khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự.*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc Phương A khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ giữa anh và bị đơn chị Nguyễn Thị Tú An là vợ chồng, bị đơn có nơi cư trú tại phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình mà Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay chị An Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, trước đó đã có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, vì vậy căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân:

Xét thấy nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc Phương A và bị đơn chị Nguyễn Thị Tú An tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993 mặc dù anh A, chị An có đủ điều kiện kết hôn nhưng vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định. Vì vậy, căn cứ Khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình thì việc sống chung nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn giữa anh Nguyễn Ngọc Phương A và chị Nguyễn Thị Tú An không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay cả hai bên đều thừa nhận trong quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và hiện nay masing ai nấy sống, không có sự quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau, đồng thời anh Nguyễn Ngọc Phương A và chị Nguyễn Thị Tú An

cùng có yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa anh chị là vợ chồng. Vì vậy, căn cứ Khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Ngọc Phương A, tuyên bố quan hệ giữa anh A và chị Nguyễn Thị Tú An không phải là vợ chồng là có cơ sở pháp luật và phù hợp với thực tế.

[3] Về con chung:

Anh Nguyễn Ngọc Phương A và chị Nguyễn Thị Tú An có 01 con chung Nguyễn Ngọc Khánh T, sinh ngày 26/12/1993. Hiện con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

[5] Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí:

Nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc Phương A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo quy định của pháp luật

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 2, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về “Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án”.

#### **Tuyên xử:**

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Nguyễn Ngọc Phương A và chị Nguyễn Thị Tú An là vợ chồng.

2. Về con chung: Các đương sự không có yêu cầu do con chung đã trưởng thành có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí:

Anh Nguyễn Ngọc Phương A phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh A đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001377 ngày 22/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Anh Nguyễn Ngọc Phương A đã nộp đủ án phí theo quy định.

4. Quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều*

*30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS thành phố Đà Lạt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Văn Hùng**